| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUỲ HỢP**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **68/**2024/HNGĐ-ST
ngày 24/4/2024
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trương Thị Thu Hà
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Vi Văn Bốn
Bà Nguyễn Thị Hường

***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Văn Vận – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2024/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1986
Nơi đăng ký HKTT: Bản Nhọi, xã Châu Cường, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An
Nơi ở hiện tại: Bản Nh, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An
(Có mặt)

Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1977
Nơi cư trú: Bản Nh, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An
(Có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Chị và anh Lê Văn H chung sống với nhau từ năm 2004, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống chung, anh chị chung

sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H sống không có trách nhiệm với gia đình mà thường xuyên uống rượu rồi chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị. Chị và hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần để anh H tu chí làm ăn nhưng anh H không thay đổi mà lại đánh đập chị thậm tệ hơn. Vợ chồng mâu thuẫn không thể hòa giải nên từ cuối năm 2014 đến nay chị đã đưa con về bên ngoại sống ly thân anh H. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

Chị Nh và anh H có 02 người con chung là Lê Mạnh Th, sinh ngày 08/9/2005 và Lê Thị Thu H, sinh ngày 01/9/2007. Hiện nay cháu Th đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên chị không đề xuất về giao nuôi cháu Th. Chị và anh H ly hôn, chị đồng ý giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Chị Nh và anh H không có khoản nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 22/3/2024 bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Nh sống chung với nhau từ năm 2004, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian sống chung, anh chị xảy ra nhiều mẫu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay anh và chị Nh không còn tình cảm, hai bên không thể sống chung, do đó chị Nh xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn chị Nh.

Anh và chị Nh có 02 người con chung là cháu Lê Mạnh Th và Lê Thị Thu H như trình bày của chị Nh. Hiện nay cháu Th đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên anh không đề xuất về giao nuôi cháu Th. Anh đề nghị được giao nuôi cháu Huyền khi vợ chồng ly hôn và yêu cầu chị Nhung cấp dưỡng nuôi cháu Huyền mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Anh Huân không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Anh Huân và chị Nhung không có khoản nợ chung.

Đối với bị đơn anh Lê Văn H, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh H có mặt để lấy lời khai. Anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp

hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 228, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Lê Văn H; Về con chung: Giao con chung Lê Thị Thu H, sinh ngày 01/9/2007 cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Nh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng; Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Lê Văn H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn H có hộ khẩu thường trú tại bản Nhọi, xã Châu Cường, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh H sống chung với nhau từ năm 2004 không đăng ký kết hôn và cho đến nay cũng không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì giữa chị Nh và anh H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh H nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nh và anh H.

Về con chung: Các con chung của chị Nh, anh H là cháu Lê Mạnh Th (đã đủ 18 tuổi, trưởng thành) và Lê Thị Thu H. Xét thấy, từ trước đến nay, cháu H sống cùng anh H, do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh H có việc làm, thu nhập ổn định, có các điều kiện đảm bảo cho việc học tập, giáo dục con phát triển lành mạnh và cháu H cũng có nguyện vọng được sống với bố. Do đó, căn cứ quyền lợi mọi mặt của con chung, chấp nhận yêu cầu của anh H, giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc chị Nh cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị Nh, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với anh H, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh H có mặt để lấy lời khai nhưng có lý do vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, thuộc trường hợp vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt đối với anh H.

[4] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

**Về quan hệ hôn nhân**: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Lê Văn H.

**Về con chung**: Giao con chung Lê Thị Thu H, sinh ngày 01/9/2007 cho anh Lê Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Nh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

**Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền trên được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Nh đã nộp theo biên lai thu số 0006107 ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận***:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- THADS huyện Quỳ Hợp;
- UBND xã Châu Cường;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thị Thu Hà**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Chủ tọa phiên toà**

**Vi Văn Bốn** **Nguyễn Thị Hường** **Trương Thị Thu Hà**

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- THADS huyện Quỳ Hợp;
- UBND xã Châu Cường;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thị Thu Hà**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Chủ tọa phiên toà**

**Phan Thị Tâm Hoàng Thị Đào** **Trương Thị Thu Hà**

*Nơi nhận:*
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- THADS huyện Quỳ Hợp;
- UBND xã Châu Thái;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thị Thu Hà**

*Nơi nhận:*
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- THADS huyện Quỳ Hợp;
- UBND xã Châu Thái;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thị Thu Hà**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- THADS huyện Quỳ Hợp;
- Các đương sự;
- UBND xã Châu Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đào Văn Đạt**

*Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**.....[1]

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:[2].....//.....
Ngày:[3] .....-.....-.....
V/v tranh chấp[4].....

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN** [5].....

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***[6]
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông (Bà)……..
*Thẩm phán:* Ông (Bà) .....
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông (Bà).....
2. Ông (Bà).....
3. Ông (Bà).....
***- Thư ký phiên tòa***: Ông (Bà)……..……[7]
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân***[8]..... *tham gia phiên toà:*
Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.
Trong các ngày..... tháng..... năm.....[9] tại .....
xét xử sơ thẩm công khai[10] vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....[11]
ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....[12]
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....
tháng..... năm..... giữa các đương sự:
*1. Nguyên đơn:*[13].....
*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*[14] .....
*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*[15].....
*2. Bị đơn:* [16].....

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*[17] .....
*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*[18] .....
*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):*[19] .....
*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*[20] .....
*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*[21] .....
*4. Người làm chứng*[22] .....
*5. Người giám định:*[23] .....
*6. Người phiên dịch:*[24] .....

## NỘI DUNG VỤ ÁN: [25]

.....
.....
.....

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[26]

[1] .....
[2] .....
[3] .....
*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào……[27] .....
[28].....
..... [29]

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:***

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt

Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").
(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).
(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.
(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".
(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".
(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).
(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

***Nơi nhận:***

*Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....[1]**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN
# PHIÊN TOÀ SƠ THẨM

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm .....
Tại:[2].....
Toà án nhân dân .....
Mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số…/.../TLST-….
ngày…..tháng…..năm…..về việc[3].....
vụ án được xét xử[4] .....

**I. Những người tham gia tố tụng:**

- Nguyên đơn:[5].....
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:[6] .....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:[7] .....
- Bị đơn:[8].....
Người đại diện hợp pháp của bị đơn:[9].....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:[10].....
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[11] .....
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[12]
.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[13].....
- Người làm chứng:[14].....
- Người phiên dịch:[15].....
- Người giám định:[16].....

**II. Những người tiến hành tố tụng:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà).....
Thẩm phán (nếu có): Ông (Bà) .....
Các Hội thẩm nhân dân:[17].....
1. Ông (Bà):.....
2. Ông (Bà):.....
3. Ông (Bà):.....
Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)……[18] .....
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: [19] ……..…tham gia phiên toà (nếu có).
Ông (Bà)……. - Kiểm sát viên.

**III. Phần thủ tục bắt đầu phiên toà:**

- Chủ toạ phiên toà tuyên bố khai mạc phiên toà và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.
- Thư ký phiên tòa báo cáo với Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên toà theo giấy triệu tập, giấy báo của Toà án và lý do vắng mặt.[20]
- Chủ toạ phiên toà kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên toà theo giấy triệu tập, giấy báo của Toà án và kiểm tra căn cước của đương sự; phổ biến quyền, nghĩa vụ của các đương sự và của những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà.
- Chủ toạ phiên toà giới thiệu họ, tên những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch.
- Chủ toạ phiên toà hỏi những người có quyền yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên (nếu có), Thư ký phiên tòa, người giám định, người phiên dịch hay không.[21]
- Yêu cầu người làm chứng cam kết khai báo đúng sự thật, nếu khai không đúng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trừ trường hợp người làm chứng là người chưa thành niên.
- Yêu cầu người giám định, người phiên dịch cam kết cung cấp kết quả giám định chính xác, phiên dịch đúng nội dung cần phiên dịch.

**IV. Phần tranh tụng tại phiên tòa**:

***1. Trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự***:[22]

.....
.....

***2. Hỏi và trả lời tại phiên tòa***:[23]

.....
.....

***3. Tranh luận tại phiên tòa***:[24]

.....
.....

**Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án.**

Hội đồng xét xử vào phòng xử án và tuyên án[25]

.....
.....

Những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng:[26]

.....
.....

Phiên toà kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....

| THƯ KÝ PHIÊN TÒA | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|
| *(Ký tên, ghi rõ họ tên)* | *(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

---

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 48-DS:***

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thì ghi Toà án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện M, tỉnh T); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(4) Ghi vụ án được xét xử công khai hay xử kín.

(5) Nếu nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó. Nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện). Nếu có mặt tại phiên toà thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(6) Ghi họ tên và địa chỉ của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(7) Ghi họ tên và địa chỉ của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; nếu là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người đó. Nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào. Nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(8) và (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (5).

(9) và (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (6).

(10) và (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng. Nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú. Nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú. Nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17) Ghi lần lượt họ tên, nơi công tác của các Hội thẩm nhân dân.

(18) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(19) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Tòa án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân" và ghi họ tên của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa (nếu có).

(20) Cần ghi rõ trường hợp khi có người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa (mà không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa), thì Chủ toạ phiên tòa phải hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên tòa hay không; nếu có người đề nghị thì Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận, nếu không chấp nhận thì nêu rõ lý do và ghi quyết định của Hội đồng xét xử.

(21) Nếu những người có quyền yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng có đề nghị hoặc yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng thì ghi đề nghị hoặc yêu cầu của họ và ghi quyết định của Hội đồng xét xử.
(22) Ghi trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự về các vấn đề quy định tại Điều 248 của Bộ luật tố tụng dân sự.
(23) Ghi các câu hỏi và trả lời của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.
(24) Ghi tóm tắt các ý kiến phát biểu và đối đáp của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ý kiến của Viện kiểm sát (nếu có).
(25) Nếu sau khi nghị án, Hội đồng xét xử tuyên án thì tiếp đó ghi: "Hội đồng xét xử tuyên án theo bản án đã được Hội đồng xét xử thông qua tại phòng nghị án" (Không phải ghi phần quyết định của bản án). Nếu Hội đồng xét xử có quyết định khác thì ghi quyết định của Hội đồng xét xử (ví dụ: Quyết định trở lại việc hỏi và tranh luận).
(26) Ghi những sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng: những vấn đề được ghi trong biên bản phiên tòa có yêu cầu sửa đổi, bổ sung và những sửa đổi, bổ sung cụ thể. Nếu có nhiều người yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì ghi thứ tự từng người một. Sau đó, người có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải ký xác nhận.
***Cần chú ý:*** Nếu phiên tòa diễn ra trong nhiều ngày, thì khi kết thúc mỗi ngày cần ghi: "Hội đồng xét xử tạm nghỉ" và khi tiếp tục phiên tòa cần ghi: "Ngày... tháng... năm... Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa"**.**

***Nơi nhận:*** **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

-TAND tỉnh Nghệ An;
-VKSND huyện Quỳ Hợp;
- THA huyện Quỳ Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Quán Vi Tuấn